

Bản án số: 39/2021/HS-ST

Ngày: 01/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY – TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Thuận Sơn

- Ông Ngô Mậu Hiệu

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương, Thư ký Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện VKSND huyện Lệ Thủy tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2021/TLST-HS ngày 31/5/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HS ngày 16/6/2021, đối với bị cáo:

Lê Đức N, sinh ngày 20/3/1984 tại xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn X, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; không tôn giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Đức L sinh năm 1954 và bà: Trần Thị G sinh năm 1956; vợ: Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1995(đã ly hôn), con: Có 01 con sinh năm 2015; tiền sự: Có 01 tiền sự, ngày 20/8/2020 bị Công an xã P, huyện L xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; tiền án: Có 01 tiền án, Ngày 06/9/2011 bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo chưa chấp hành xong phần dân sự của bản án; nhân thân: Ngày 22/02/2009 bị Công an thị trấn K huyện L xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; ngày 12/5/2009 bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; ngày 25/02/2019 bị Công an thị trấn K, huyện L xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/4/2021 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Đức L, sinh năm 1954, địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

- *Người làm chứng:* Ông Hoàng Minh V, sinh năm 1958, địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 22 giờ ngày 18/01/2021, Lê Đức N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 73H1- 490.01 của ông Lê Đức L (bố của N) đi từ huyện Q, tỉnh Quảng Bình đến huyện L, tỉnh Quảng Bình. Khi đi qua nhà của chị Nguyễn Thị T ở thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình, thấy nhà chị T đóng cửa, tắt điện, nghĩ rằng chị T đã ngủ nên N điều khiển xe vào dừng ở sân rồi đi đến chuồng vịt bắt trộm 04 con bỏ vào trong cốp xe rồi điều khiển xe đi. Sau khi đi được một đoạn, N dừng xe để kiểm tra số vịt đã bắt được trong cốp xe thì 04 con vịt nhảy ra khỏi cốp xe chạy mất. N điều khiển xe mô tô quay lại nhà chị T để tiếp tục trộm vịt, khi đang bắt 05 con vịt trên tay thì bị chị T phát hiện và hô hoán mọi người đến bắt giữ.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L đã định giá và kết luận: 09 con vịt tại thời điểm định giá là 1.350.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện L tạm giữ một xe mô tô BKS 73H1- 490.01 (có đặc điểm như biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu).

Về dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị T số tiền 1.400.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 45/CT-VKSNDLT ngày 31/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo Lê Đức N về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Qua tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Lê Đức N từ 06 đến 09 tháng tù; về vật chứng, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại xe mô tô BKS 73H1- 490.01 cho ông Lê Đức L; trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận tiền bồi thường và không yêu cầu gì nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Lệ Thủy, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng không ai có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Chứng cứ xác định có tội và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Đức N khai nhận tất cả hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cũng như các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra đã thu thập, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Lê Đức N đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị T có trị giá 1.350.000 đồng, trong khi bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính và bị kết án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác; gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây hoang mang lo lắng cho nhân dân; xét về nhân thân: Bị cáo đã nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính và nhiều lần bị Tòa án xét xử đều về hành vi trộm cắp tài sản; lần xử phạt hành chính sau cùng là Công an xã P, huyện L ra quyết định xử phạt hành chính ngày 20/8/2020; tại bản án số 21/HSST ngày 06/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện L, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa chấp hành việc bồi thường dân sự nên chưa được xóa án tích lại phạm tội mới cũng về hành vi trộm cắp tài sản, chứng tỏ bị cáo có nhân thân xấu, coi thường kỷ cương pháp luật, là người khó cải tạo giáo dục. Do đó, cần phải có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra nhằm có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình nghiên cứu toàn bộ nội dung vụ án cũng như xét hỏi công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy, người phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa bị hại chị Nguyễn Thị T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5]. Về vật chứng: Xe mô tô BKS 73H1- 490.01 có giấy chứng nhận đăng ký mang tên bị cáo Lê Đức N (hiện đang có ở cửa hàng xe máy vì mua trả góp) nhưng ông Lê Đức L (bố của N) bỏ tiền ra mua là tài sản của ông Lê Đức L, bị cáo Lê Đức N sử dụng làm phương tiện phạm tội, ông L không biết bị cáo sử dụng xe của mình vào việc phạm tội, nay ông L đề nghị Hội đồng xét xử cho ông được nhận lại xe, Hội đồng xét xử thống nhất trả xe mô tô trên cho ông L là phù hợp với khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ

luật tố tụng Hình sự và cũng phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6].Về dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị T đã nhận tiền bồi thường tài sản 1.400.000 đồng và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7].Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[8].Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Tuyên bố bị cáo Lê Đức N phạm Tội trộm cắp tài sản.

- Xử phạt bị cáo Lê Đức N 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án. Quyết định tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Lê Đức N 45 ngày kể từ ngày tuyên án (01/7/2021), để đảm bảo thi hành án (có quyết định riêng).

Trả lại cho ông Lê Đức L xe mô tô BKS 73H1- 490.01 có đặc điểm mô tả như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện L ngày 28/6/2021.

Bị cáo Lê Đức N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (01/7/2021), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLVNQLQ;
- VKSND h. Lệ Thủy;
- VKSND t. Quảng Bình;
- TAND t. Quảng Bình;
- Chi cục THADS h. Lệ Thủy;
- Công an h. Lệ Thủy
- Sở Tư pháp t. Quảng Bình;
- Bộ phận THAHS
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trương Thị Nhàn